

Tăng tỷ trọng

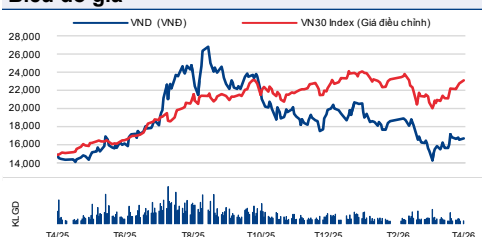
Giá mục tiêu: VND19,200

Tiềm năng tăng/giảm: 15.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/4/2026)	16,650
Mã Bloomberg	VND VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	14,105-26,800
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,633
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	25,341
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	962
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,522
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,343
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	12.0%
Tỷ lệ freefloat	70.0%
Cổ đông lớn	I.P.A Invest Group (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (tỷ đồng)	51,629	50,462	59,264
Cho vay ký quỹ (tỷ đồng)	14,319	16,037	19,245
Doanh thu HĐ (tỷ đồng)	6,641	7,811	7,424
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	2,024	2,052	2,190
BVPS (đồng)	12,638	14,195	14,136
EPS (đồng)	1,274	1,241	1,107
DPS (đồng)	500	500	500
T.trưởng tổng tài sản (%)	16.6	(2.26)	17.4
T.trưởng c.vay KQ (%)	38.4	12.0	20.0
T.trưởng DT HĐ (%)	24.7	17.6	(4.95)
Tăng trưởng EPS (%)	10.8	(2.60)	(10.8)
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	39.3	40.3	45.2
ROAE (%)	9.97	9.25	8.51
ROAA (%)	4.22	4.02	3.99
Tỷ lệ CIR (%)	45.6	51.1	44.3
Lãi suất cho vay BQ (%)	0.11	0.12	0.12
Vòng quay tổng TS (%)	13.8	15.3	13.5
Đòn bẩy vốn (%)	247	215	212
Thị phần môi giới CP (%)	5.40	5.80	6.00
P/E (lần)	13.1	13.4	15.0
P/B (lần)	1.32	1.17	1.18
Lợi suất cổ tức (%)	3.00	3.00	3.00

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VND là một công ty chứng khoán tăng trưởng nhanh, được tiếp lực bởi phát triển công nghệ và mảng khách hàng bán lẻ, công ty có thị phần khoảng 7%.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q1 tăng 42%, sát với dự báo

- LNTT Q1 của VND đạt 681 tỷ đồng, tăng 42%, hoàn thành 27% dự báo cả năm và sát với dự báo Q1 của chúng tôi. Trong đó, lãi từ cho vay ký quỹ tăng 34%, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới tăng 120% và thu nhập đầu tư tăng 35%.
- Dư nợ cho vay ký quỹ giảm 11% so với quý trước (vẫn tăng 14% so với cùng kỳ) đạt 12,7 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026, trong khi tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH giảm xuống 59%, khiêm tốn so với ngành.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 8% trong 1 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14 lần, tương đương bình quân quá khứ nhưng thấp hơn so với bình quân ngành ở mức 15,2 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026 vào ngày 20/4/2026

VND đã công bố KQKD Q1/2026 khả quan với LNTT đạt 681 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ, hoàn đáp 27% dự báo cả năm và sát với dự báo Q1 của chúng tôi. Trong đó, lãi từ cho vay ký quỹ tăng 34% so với cùng kỳ đạt 404 tỷ đồng, lợi nhuận nghiệp vụ môi giới tăng 120% so với cùng kỳ đạt 76 tỷ đồng và thu nhập đầu tư tăng 35% so với cùng kỳ đạt 671 tỷ đồng. Chúng tôi sẽ phân tích chi tiết ở bên dưới.

Mảng cho vay ký quỹ: Tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với quý trước

Lãi từ cho vay ký quỹ tăng 34% so với cùng kỳ (giảm 1% so với quý trước) đạt 404 tỷ đồng nhờ dư nợ cho vay ký quỹ tăng 14% so với cùng kỳ (giảm 11% so với quý trước) đạt 12,7 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, dư nợ cho vay ký quỹ của VND tăng trưởng chậm hơn so với toàn ngành (tăng 52% so với cùng kỳ và tăng 2% so với quý trước lên 415 nghìn tỷ đồng) do nguồn vốn ứ đọng ở các khoản trái phiếu tồn đọng.

Tỷ lệ dư nợ cho vay ký quỹ/vốn CSH giảm xuống 59% từ 69% trong Q4/2025, thấp hơn đáng kể so với bình quân ngành ở mức 110%. Trong khi đó, lãi suất cho vay ký quỹ tăng 60 điểm cơ bản so với quý trước lên 12%, và chi phí huy động tăng 120 điểm cơ bản so với quý trước lên 5,3%, tương đương tỷ lệ NIM mảng cho vay ký quỹ giảm xuống 6,7% từ 7,3% trong Q4/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2026, VND

LNTT Q1/2026 của VND bằng 27% dự báo cả năm và sát với dự báo Q1 của HSC

Tỷ đồng	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	2026 HSCF	% HSCF
Tổng thu nhập HĐ	807	1,126	40%	4,258	26%
Môi giới	34	76	124%	403	19%
HĐ tự doanh	489	657	34%	1,971	33%
Cho vay ký quỹ	301	404	34%	1,821	22%
Khác	(18)	(11)	-39%	63	-17%
Lỗ HĐ tài chính	(223)	(347)	56%	(1,287)	27%
Chi phí HĐ	(105)	(98)	-7%	(435)	23%
Thu nhập/(chi phí) khác	(1)	0		(2)	
LNTT	478	681	42%	2,534	27%
Lợi nhuận thuần	383	545	42%	2,053	27%

Nguồn: VND, HSC

Thu nhập đầu tư tăng trưởng vững chắc

Thu nhập đầu tư tăng 35% so với cùng kỳ đạt 671 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lãi từ danh mục FVTPL (tăng 26% so với cùng kỳ đạt 513 tỷ đồng, trong đó lãi thực hiện đạt 489 tỷ đồng, tăng 75% so với cùng kỳ và lãi chưa thực hiện đạt 38 tỷ đồng, so với lỗ 33 tỷ đồng trong Q1/2025) và lãi từ danh mục HTM (tăng 73% so với cùng kỳ đạt 158 tỷ đồng).

Danh mục FVTPL của VND – tỷ trọng lớn nhất – giảm 17% so với quý trước xuống 18,6 nghìn tỷ đồng (giảm 29% so với quý trước). Đối với cơ cấu danh mục FVTPL:

- Tiền gửi tiết kiệm & chứng chỉ tiền gửi: 3,2 nghìn tỷ đồng, giảm 45% so với quý trước.
- Trái phiếu: 13,2 nghìn tỷ đồng, giảm 9% so với quý trước (14,5 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2025), trong đó TPDN, chủ yếu là trái phiếu Trung Nam, ước tính vẫn ở mức khoảng 7-8 nghìn tỷ đồng – tỷ trọng đáng kể. Lãi dự thu từ trái phiếu tăng lên 1.134 tỷ đồng từ 1.087 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2025.
- Cổ phiếu: 2,1 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với quý trước. Trong đó, giá trị đầu tư vào Tập đoàn Năng lượng tái tạo Trung Nam (TNRE) giảm xuống 84 tỷ đồng từ 507 tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2025.

Trong khi đó, danh mục HTM đạt 9.000 tỷ đồng, tăng 5% so với quý trước, bao gồm các khoản tiền gửi trung hạn.

Các khoản phải thu quá hạn của VND, chủ yếu từ CTCP Xây dựng Trung Nam, vẫn giữ nguyên ở mức 1.961 tỷ đồng, đi ngang so với Q4/2025, với khoản dự phòng 435 tỷ đồng đã được trích lập trước đó. Mặc dù Công ty không trích lập thêm dự phòng trong Q1/2026 nhưng gánh nặng dự phòng có thể được giảm bớt trong thời gian tới do chúng tôi nhận thấy những tín hiệu phục hồi của Trung Nam ở cấp độ tập đoàn. Chúng tôi sẽ theo dõi chặt chẽ tiến độ các dự án của Trung Nam để đánh giá lại khả năng thu hồi vốn với các khoản đầu tư trái phiếu của VND.

Mảng nghiệp vụ môi giới hồi phục từ mức nền thấp

Doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng 73% so với cùng kỳ (tăng 1% so với quý trước) lên 233 tỷ đồng trong Q1/2026 nhờ giá trị giao dịch bình quân ngày đạt 36,3 nghìn tỷ đồng (tăng 108% so với cùng kỳ và tăng 16% so với quý trước). Trong khi đó, chi phí nghiệp vụ môi giới tăng 53% so với cùng kỳ (giảm 4% so với quý trước) lên 365 tỷ đồng, tương đương lợi nhuận nghiệp vụ môi giới tăng 124% so với cùng kỳ (tăng 13% so với quý trước) lên 76 tỷ đồng.

Tỷ lệ phí giữ lại của VND (phí thuần/phí gộp) duy trì ở mức 32% so với 29% trong Q4/2025 nhờ nhu cầu giao dịch mạnh mẽ trong kỳ.

Thị phần mảng cổ phiếu của VND tăng nhẹ lên 4,8% trong Q1/2026 từ 4,6% trong Q4/2025.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

Sau khi giá cổ phiếu tăng 8% trong 1 tháng qua, VND đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 14 lần, tương đương bình quân quá khứ nhưng thấp hơn so với bình quân ngành ở mức 15,2 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo sau KQKD Q1/2026 nhìn chung sát với dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu HĐ môi giới CK	720	972	1,246	1,558	1,779
Lãi cho vay ký quỹ	1,255	1,394	1,821	2,152	2,465
Doanh thu HĐ tự doanh	3,180	4,005	4,522	3,470	3,806
Phí bảo lãnh phát hành	-	-	-	-	-
Thu nhập dịch vụ tư vấn	65.0	186	130	143	157
Thu nhập HĐ khác	105	84.0	92.0	101	111
Doanh thu HĐ	5,325	6,641	7,811	7,424	8,318
Chi phí HĐ	(2,575)	(3,025)	(3,990)	(3,290)	(3,582)
Lợi nhuận HĐ	2,750	3,616	3,821	4,134	4,736
Lợi nhuận tài chính	(658)	(1,106)	(1,287)	(1,428)	(1,694)
Lợi nhuận khác	(3.00)	(1.00)	(2.00)	(4.00)	(9.00)
LNTT	2,089	2,509	2,532	2,702	3,033
Chi phí thuế TNDN	(370)	(486)	(481)	(513)	(577)
LNST	1,719	2,023	2,051	2,189	2,456
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)	(1.00)
Lợi nhuận thuần	1,720	2,024	2,052	2,190	2,457

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	881	1,622	5,569	5,191	6,299
Phải thu	1,728	3,586	4,597	5,747	6,563
Phải thu dịch vụ & phải thu khác	195	35.6	169	320	427
Tài sản tài chính	40,302	45,336	39,042	46,881	49,420
FVTPL	24,519	22,537	18,030	21,636	21,636
HTM	5,561	8,558	5,135	6,162	6,778
Cho vay ký quỹ	10,344	14,319	16,037	19,245	21,169
AFS	0	0	(80.7)	(82.3)	(84.0)
Dự phòng	(122)	(79.1)	(79.1)	(79.1)	(79.1)
Đầu tư dài hạn	1,030	867	867	867	867
HTM	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD, LK	996	867	867	867	867
Đầu tư dài hạn khác	34.2	0	0	0	0
Tài sản cố định	84.1	85.8	94.4	104	114
Tài sản khác	74.6	96.2	123	154	176
Tổng tài sản	44,295	51,629	50,462	59,264	63,867
Nợ phải trả và vốn CSH					
Vay ngắn hạn	22,436	26,463	23,404	27,065	29,871
Trái phiếu ngắn hạn	400	250	0	0	0
Phải trả hoạt động	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả khác	1,743	4,013	3,584	4,230	4,688
Nợ phải trả	24,580	30,726	26,988	31,294	34,559
Vốn chủ sở hữu	19,715	20,903	23,478	27,974	29,312
Vốn điều lệ	15,223	15,223	16,536	19,793	19,793
Thặng dư vốn cổ phần	(0.17)	(0.17)	852	852	852
Lợi nhuận giữ lại	4,492	5,680	5,390	6,425	7,544
Quỹ & vốn khác của CSH	0	0	700	905	1,124
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	(3.38)	(4.23)	(5.08)
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	44,295	51,629	50,462	59,264	63,867

Chỉ số chính: Tăng trưởng và định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng (so với cùng kỳ)					
Tăng trưởng tổng TS (%)	6.12	16.6	(2.26)	17.4	7.77
Tăng trưởng cho vay (%)	0.65	38.4	12.0	20.0	10.0
Tăng trưởng TS tài chính khác (%)	12.4	29.0	28.2	25.0	14.2
Tăng/giảm nợ ngắn hạn (%)	9.61	17.9	(11.6)	15.6	10.4
Tăng trưởng VCSH (%)	19.5	6.03	12.3	19.2	4.78
Tăng trưởng doanh thu HĐ (%)	(18.8)	24.7	17.6	(4.95)	12.0
Tăng/giảm chi phí HĐ (%)	1.87	17.5	31.9	17.5	8.88
Tăng trưởng lợi nhuận HĐ (%)	(30.1)	31.5	5.67	8.19	14.6
Tăng trưởng LNTT (%)	(15.8)	20.1	0.92	6.71	12.3
Tăng trưởng LNST (%)	(14.8)	17.7	1.38	6.73	12.2
Tăng trưởng LN thuần (%)	(14.8)	17.7	1.38	6.73	12.2

Định giá					
P/E (lần)	14.5	13.1	13.4	15.0	13.4
P/B (lần)	1.31	1.32	1.17	1.18	1.12
Lợi suất cổ tức (%)	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00

Chỉ số chính: Chỉ số CP và Chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số CP					
EPS (đồng)	1,150	1,274	1,241	1,107	1,242
DPS (đồng)	500	500	500	500	500
BVPS (đồng)	12,744	12,638	14,195	14,136	14,812
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,496	1,589	1,654	1,979	1,979
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,547	1,654	1,654	1,979	1,979
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,496	1,589	1,654	1,979	1,979

Chỉ số lợi nhuận					
ROAA (%)	4.00	4.22	4.02	3.99	3.99
ROAE (%)	9.50	9.97	9.25	8.51	8.58
Lãi suất cho vay ký quỹ BQ (%)	12.2	11.3	12.0	12.2	12.2
Chi phí vay nợ BQ (%)	3.10	4.40	4.90	5.50	5.80
Phí môi giới thuần (%)	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Lợi suất TSTC HTM (%)	-	-	-	-	-
Lợi suất HĐ tự doanh (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ CIR (%)	48.4	45.6	51.1	44.3	43.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	43.5	39.3	40.3	45.2	40.3

Thị phần					
Thị phần môi giới cổ phiếu (%)	5.90	5.40	5.80	6.00	6.00
Thị phần môi giới KH nước ngoài (%)	-	-	-	-	-
Thị phần môi giới KH cá nhân (%)	-	-	-	-	-

Tỷ lệ đòn bẩy					
Tổng nợ/vốn CSH (%)	93.0	87.0	87.0	86.0	86.0
Cho vay ký quỹ/vốn CSH (%)	42.0	47.0	59.0	61.0	61.0

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	-	-	-	-	-
Số lượng nhân viên	1,077	1,020	1,120	1,200	1,200

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn